

Bản án số: 13/2018/DS-PT

Ngày: 25 - 7 - 2018

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Điệp.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình và bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

- Th ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam - Th ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Trong các ngày 20 và 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ph H, sinh năm 1967; nơi cư trú: 313 Chi Lăng, phường Phú H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Ph H và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1960, nơi cư trú: Lô B47, khu quy hoạch Kiểm Huệ, phường X Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2018); có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Tiểu Th, sinh năm 1954 và bà Võ Thị D, sinh năm 1956; đều trú tại: 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Công H- Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Công Khánh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Võ Thị Cẩm Nh, sinh năm 1981, anh Phan Thế L, sinh năm 1979; đều trú tại: Số 29 đường Nguyễn Bình Kh, phường Phú C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều vắng mặt.

+ A Trương Tạ Vsinh năm 1986 (con ông Th, bà D); có mặt.

+ Chị Trương Thị H A, sinh năm 1980 (con ông Th, bà D); vắng mặt

+ A Trương Thế Nh, sinh năm 1978 (con ông Th, bà D); có mặt.

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1969 (sống chung với ông Th);

+ Chị Trương Thị Ph A, sinh năm 1998 (con của ông Th, bà X;

Bà X và chị Ph A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là các con của ông Bùi Văn H(đã chết) và bà Hồ Thị B) gồm: Chị Bùi Thị Diễm Th, sinh năm 1985; chị Bùi Thị Diễm Th, sinh năm 1989 và chị Bùi Diễm Ph, sinh năm 1993.

Đều trú tại: Lô B47, khu quy hoạch Kiểm Huệ, phường X Ph, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2015 của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Võ Thị Ph H: Vào tháng 5/2014, tại Phòng công chứng Nam Thanh, bà Võ Thị Ph H và vợ chồng bà Hồ Thị B, ông Bùi Văn H có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế với diện tích 794 m². Bà H đã thanh toán đầy đủ tiền cho bà B. Ngày 16/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố Huế đã tiến hành sang tên và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có số hiệu BT 170008 đối với thửa đất này cho bà H. Khi bà H đến nhận đất thì phát hiện có gia đình ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D đang ở tại ngôi nhà phía sau trên thửa đất này. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Th phải rời khỏi khuôn viên đất để trả đất cho bà.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị B trình bày: Tháng 9/2012, vợ chồng anh Phan Thế L và chị Võ Thị Cẩm Nh có mượn và nhờ bà B đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, chi nhánh huyện Quảng Điền trả giúp số tiền nợ vay của vợ chồng ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D là 600.000.000 đồng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 297560 (do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 04/10/2010 cho ông Th, bà D tại địa chỉ 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế) đang thế chấp về. Do không trả được tiền đã vay mượn của bà B, nên vợ chồng

anh L, chị Nh đã thỏa thuận với bà B về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế cho vợ chồng bà là Hồ Thị B và ông Bùi Văn H để bà B, ông H thế chấp vay tiền giúp cho vợ chồng L, Nh Sau khi tiến hành xong thủ tục sang tên, ngày 08/12/2012 vợ chồng bà B đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Huế để vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà B đã giao cho vợ chồng L, Nh số tiền 1.400.000.000 đồng; đồng thời vợ chồng L, Nh đã viết 02 hợp đồng vay tiền với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (bao gồm cả khoản nợ trước đó). Đến hạn trả nợ cho Ngân hàng, vợ chồng L, Nh không trả được nợ cho bà B như hai bên đã thỏa thuận. Do đó, ngày 28/5/2014, vợ chồng bà B, ông H đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất tại 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế cho bà Võ Thị Ph H. Hiện tại, thửa đất này đang do bà H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông Th, bà D đang sử dụng, nên đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng ông Th, bà D trả lại đất cho bà H.

- *Phía bị đơn là ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D trình bày:* Ngày 05/9/2012, ông Th, bà D và vợ chồng anh Phan Thế L, chị Võ Thị Cẩm Nh có lập hợp đồng đặt cọc bán 300 m² đất trong thửa đất có tổng diện tích 794 m² tọa lạc tại 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế với giá 1.650.000.000 đồng. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, chi nhánh huyện Quảng Điền nên vợ chồng L, Nh đã đưa bà Hồ Thị B đến trả nợ cho Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Do thửa đất này không làm thủ tục tách thửa được nên ông Th, bà D đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho vợ chồng L, Nh và anh L, chị Nh có trách nhiệm viết giấy chuyển nhượng lại diện tích 494 m² cho vợ chồng ông theo đúng thỏa thuận đã cam kết.

Sau đó vợ chồng L, Nh đến chở ông Th đi nhiều nơi để làm thủ tục giấy tờ nhận tiền, nhưng thực tế suốt thời gian dài anh L, chị Nh vẫn không trả tiền nhận chuyển nhượng đất còn thiếu và cũng không làm giấy tờ chuyển diện tích 494 m² đất còn lại cho vợ chồng ông Th, bà D. Việc vợ chồng L, Nh chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 794 m² đất tại 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế cho vợ chồng bà Hồ Thị B, ông Bùi Văn H thì ông Th và bà D hoàn toàn không biết. Cho nên, khi ông Th, bà D biết được sự việc này thì đã làm đơn trình báo đến Công an thành phố Huế để xử lý hành vi lừa đảo của vợ chồng L, Nh

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ph H thì ông Th, bà D không chấp nhận vì bà H và bà Hồ Thị B không có liên quan gì. Hiện tại, vợ chồng anh L, chị Nh vẫn chưa trả tiền nhận chuyển nhượng 300 m² đất còn thiếu và cũng chưa làm thủ tục tách thửa 494 m² đất còn lại cho vợ chồng ông. Vì vậy, ông Th, bà D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Thế L và chị Võ Thị Cẩm Nh thừa nhận: Việc xác lập hợp đồng đặt cọc và mục đích ký kết hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông Th, bà D với anh L, chị Nh như ông Th, bà D trình bày như trên là đúng. Thực tế, vợ chồng anh L, chị Nh chỉ nhận chuyển

nhượng của vợ chồng ông Th, bà D 300 m² đất trong tổng số diện tích thửa đất là 794 m² tại 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế, với giá là 1.650.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng anh L, chị Nh còn nợ của ông Th, bà D số tiền 650.000.000 đồng. Khi vợ chồng anh L, chị Nh chuyển nhượng lại cho bà B thì cũng thỏa thuận chỉ chuyển nhượng 300 m² đất và ngôi nhà phía trước trên đất, nhưng do chưa tách thửa được nên mới lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho bà B và bà B thỏa thuận sẽ trả lại đất sau khi vợ chồng anh trả số tiền 2.000.000.000 đồng. Do vợ chồng L, Nh không trả được nợ nên bà B chuyển nhượng sang tên thửa đất này cho bà Võ Thị Ph H; việc chuyển nhượng này thì anh L, chị Nh hoàn toàn không biết.

Trước yêu cầu của ông Th, bà D, vợ chồng anh L, chị Nh chấp nhận sẽ trả số tiền còn thiếu 650.000.000 đồng và làm việc với bà B để trả lại 494 m² đất cho vợ chồng ông Th, bà D.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm: Bà Trần Thị X, anh Trương Tạ Vành Trương Thế Nh và chị Trương Thị Ph A thống nhất với lời trình bày của ông Th, bà D; đồng thời cho rằng, vợ chồng anh L, chị Nh đã gian dối lường gạt ông Th, bà D khi không thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để lấy lại quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình.

- Các chị Bùi Thị Diễm Th, Bùi Diễm Ph, Bùi Thị Diễm Th là các con của bà Hồ Thị B và ông Bùi Văn H(đã chết) xác nhận đã ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng nên đều không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 255, 256, 280, 285, 289 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài sản với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Buộc bị đơn là ông Trương Tiểu Th, bà Võ Thị D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà X và các anh, chị Trương Tạ VTrương Thị H A, Trương Thế Nh, Trương Thị Ph A và hai người con của ông Th và bà X chưa thành niên giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (thửa số 01, tờ bản đồ số 43, diện tích 794 m²) cho bà Võ Thị Ph H.

Bà Võ Thị Ph H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D giá trị tài sản trên đất là hai ngôi nhà cấp 4, có tổng giá trị tổng cộng là 285.662.700 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm đồng).

2. Gia đình ông Th được lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị Ph H phải chịu 14.283.135 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004939 ngày

01/11/2016. Như vậy bà H phải nộp thêm 14.083.135 đồng (Mười bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

- Buộc ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch.

4. Lệ phí đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02 và 03/10/2017, bị đơn là ông Trương Tiểu Th có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế với nội dung: Ông Th không đồng ý với phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế về việc buộc vợ chồng ông phải giao nhà và đất tại 35 Nguyễn Khoa Ch, thành phố Huế cho bà Võ Thị Ph H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Trương Tiểu Th đã khai rằng, con gái của ông là Trương Thị H A được Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị bệnh tâm thần phân liệt đã 15 năm nay nên không thể tham gia phiên tòa được, sau đó ông Th đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu liên quan đến bệnh tâm thần của chị Trương Thị H A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố những tài liệu liên quan đến việc điều trị bệnh tâm thần của chị Trương Thị H A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những tài liệu này đã xác định chị Trương Thị H A bị bệnh tâm thần phân liệt đã điều trị từ năm 2002, đến nay vẫn tiếp tục điều trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn cho rằng, chị Trương Thị H A bị bệnh tâm thần nên không đủ năng lực hành vi dân sự để tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét để cử người giám hộ cho chị H A theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự mà vẫn xét xử vắng mặt chị H A là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để tiến hành tố tụng lại từ giai đoạn sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phúc thẩm có ý kiến như sau: Căn cứ vào tài liệu mà đương sự cung cấp được Chủ tọa phiên tòa vừa công bố tại phiên tòa thì chị Trương Thị H A là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị bệnh tâm thần phân liệt đã 15 năm, đến nay vẫn tiếp tục điều trị. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của đương sự, chưa hướng dẫn cho ông Th hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; đồng thời cử người đại diện cho chị H A theo quy định của pháp luật, đã làm ảnh hưởng đến quyền và

lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị H A. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị H A, sinh năm 1980, trú tại 35 Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố Huế, nơi có tài sản đang tranh chấp, chị H A là con của ông Trương Tiểu Th và bà Võ Thị D, bị đơn trong vụ án.

[2] Theo các tài liệu do ông Trương Tiểu Th cung cấp và lời khai của ông Th tại phiên tòa phúc thẩm thì chị Trương Thị H A, bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2002, sau khi ra viện phải điều trị ngoại trú, thời gian gần đây ngày 13/4/2018 vào điều trị nội trú tại bệnh viện tâm thần Huế, sau khi ra viện thì tiếp tục điều trị và quản lý ngoại trú. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị H A bị bệnh nên không đến Tòa án theo giấy triệu tập và ông Th cũng không khai báo tình trạng bệnh lý của chị H A cho Tòa án biết. Đến nay, chị H A cũng đang bị bệnh, không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa được, nên ông Th đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị H A.

[3] Theo quy định tại Điều 69 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự được quy định như sau:

“ - Năng lực pháp luật tố tụng dân sự là khả năng có các quyền, nghĩa vụ trong tố tụng dân sự do pháp luật quy định. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có năng lực pháp luật tố tụng dân sự như nhau trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Năng lực hành vi tố tụng dân sự là khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự.

- Đương sự là người từ đủ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, trừ người mất năng lực hành vi dân sự hoặc pháp luật có quy định khác.

Đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì năng lực hành vi tố tụng dân sự của họ được xác định theo quyết định của Tòa án...”

Việc xác định một người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được Tòa án tiến hành theo quy định tại chương XXIV của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Như vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị H A, lẽ ra, ông Trương Tiểu Th hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để tuyên bố chị Trương Thị H A mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện cho chị H A theo quy định của pháp luật. Thế nhưng, ông Th không thực hiện điều này mà đến giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Th mới khai bệnh lý của chị H A và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị H A.

[5] Đây là tình tiết mới xuất hiện tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị H A theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

- Ông Trương Tiểu Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Trương Tiểu Th, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết cụ thể khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Tiểu Th không phải chịu nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003227 ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Th hành án dân sự thành phố Huế.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hưng Bính Nguyễn Thị Kim Trọng

Hoàng Trọng Điệp

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 TANDTC;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trọng Điệp

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trung Nguyễn Thị Kim Trọng

Hoàng Trọng Điệp

